

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-7-2026  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Khánh Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Minh Biên.
- Ông Lào Văn Giả.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thu Hường, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phù Thị B; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

- **Bị đơn:** Anh Lèng Văn Đ; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phù Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phù Thị B và anh Lèng Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 25/02/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ); việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Từ khi về sống chung, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi người có quan điểm, cách sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Đ còn rơi vào cờ bạc, tài xỉu không chăm lo cho gia đình. Mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện được. Chị B và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

*Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 20/5/2026, bị đơn anh Lèng Văn Đ trình bày:*

Anh Đ xác nhận quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như chị Phù Thị B trình bày. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, anh Đ nhất trí ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh Đ xác nhận anh Đ và chị B không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ xác nhận đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến gì về việc tổng đạt văn bản tố tụng. Tuy nhiên, do tính chất công việc bận rộn nên anh Đ không có thời gian tham gia các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Anh Đ đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do chị B, anh Đ đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phù Thị B, xử cho chị Phù Thị B được ly hôn với anh Lèng Văn Đ. Về con chung và tài sản chung, các đương sự đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, nguyên đơn chị Phù Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Phù Thị B khởi kiện bị đơn anh Lèng Văn Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã V, tỉnh Tuyên Quang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Phù Thị B và bị đơn anh Lèng Văn Đ đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phù Thị B và anh Lèng Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 25/02/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ); việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét thấy chị B và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 10/2023, không còn tình cảm; vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh Đ đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Anh Đ đã gửi Bản tự khai cho Tòa án thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn với chị B. Căn cứ các điều 19, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phù Thị B, xử cho chị B được ly hôn với anh Đ. Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về con chung, tài sản chung: Chị B, anh Đ đều xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Phù Thị B phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các điều 19, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phù Thị B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phù Thị B ly hôn với anh Lèng Văn Đ.

1.2. Về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Phù Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Phù Thị B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000906 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã V, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hoàng Khánh Phương**